TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 361/2024/DS-ST
Ngày: 18 - 11 - 2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thuý Vân là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 726/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984; Cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ K, sinh năm 1971; Cư trú: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh C . (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

- Ngày 15/7/2020 âm lịch, bà Phạm Thị Mỹ K mở dây hụi loại 5.000.000 đồng, gồm 21 phần, mỗi tháng khui một lần, bà tham gia 01 phần, đến kỳ hụi thứ 20 bà bỏ hụi giá 2.000.000 đồng, hốt hụi được số tiền 98.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.200.000 đồng, còn lại 95.800.000 đồng, bà đóng hụi chết của dây hụi khác cho bà K số tiền 6.700.000 đồng, còn lại 89.100.000 đồng, bà K giao cho bà 100.000 đồng, còn lại số tiền 89.000.000 đồng. Vào ngày 30/3/2022, bà K làm biên nhận thừa nhận còn nợ bà số tiền này. Tuy nhiên, đến nay bà K chưa trả cho bà mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần. Nay bà yêu cầu bà K trả cho bà số tiền 89.000.000 đồng.

- Bà K xác định bà còn nợ bà K số tiền 75.400.000 đồng là không đúng, bà đã đóng hụi chết của các dây hụi khác cho bà K đầy đủ. Do không còn nợ bà K nên

bà không đồng ý đối trừ theo ý kiến của bà K.

Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Thị Mỹ K trình bày:

- Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Ngọc T về việc mở hụi, tham gia hụi của bà T. Bà xác định chữ viết, ký tại Biên nhận ngày 30/3/2022 là do bà viết, ký ra. Bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền 89.000.000 đồng.

- Do bà T có tham gia nhiều dây hụi khác do bà làm chủ, còn nợ tiền hụi chết là 75.400.000 đồng. Do đó, bà yêu cầu đối trừ số tiền này vào số tiền còn nợ bà T. Theo đó, bà còn nợ bà T số tiền 13.700.000 đồng (89.000.000 đồng – 75.400.000 đồng), bà đồng ý trả cho bà T số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đòi bị đơn bà Phạm Thị Mỹ K trả nợ hụi số tiền 89.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định: Ngày 15/7/2020 âm lịch, bà K mở dây hụi loại 5.000.000 đồng, gồm 21 phần, mỗi tháng khui hụi một lần, bà T tham gia 01 phần, đến kỳ hụi thứ 20 bà T bỏ hụi giá 2.000.000 đồng, hốt hụi được số tiền 98.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.200.000 đồng, còn lại 95.800.000 đồng, bà T đóng hụi chết của dây hụi khác cho bà K số tiền 6.700.000 đồng, còn lại 89.100.000 đồng, bà K giao cho bà T 100.000 đồng, còn lại số tiền 89.000.000 đồng. Vào ngày 30/3/2022, bà K làm biên nhận thừa nhận còn nợ bà T số tiền này.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do bà K thừa nhận còn nợ bà T số tiền 89.000.000 đồng nên bà T không phải chứng minh. Do bà K còn nợ bà T số tiền này nên cần buộc bà K trả cho bà T là phù hợp.

[2] Xét ý kiến của bà K về việc đối trừ tiền hụi chết của các dây hụi khác, thấy rằng: Tuy tại phiên toà, bà K yêu cầu đối trừ tiền hụi chết của các dây hụi khác mà bà T tham gia nhưng bà K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà T nợ số tiền 75.400.000 đồng, trong khi bà T không thừa nhận. Do bà K không có yêu cầu phản tố đối với bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các dây hụi khác giữa đôi bên. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Theo đó, bà K phải chịu án phí số tiền 4.450.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Các Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ K trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng).

2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Mỹ K phải chịu án phí số tiền 4.450.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), chưa nộp.

- Bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí. Ngày 06/8/2024, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.225.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0005440 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà